

PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ VÀ LỜI NÓI CHO TRẺ KHIẾM THỊ TUỔI MẦM NON

• TS. PHẠM MINH MỤC

Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục Đặc biệt

Ngôn ngữ là tập hợp những quy tắc nối âm thanh lời nói với ngữ nghĩa của chúng thông qua một hệ thống chặt chẽ. Ngôn ngữ diễn đạt về con người, sự vật, sự kiện và mối quan hệ giữa chúng, vì thế con người có thể nhận thức được sự tồn tại, phân tích được sự vật, hiện tượng ngay cả khi không hiện hữu trước mắt chúng ta. Ngôn ngữ cho phép chúng ta hiểu những vấn đề đang xảy ra hôm nay, những vấn đề đã xảy ra hôm qua và cả những vấn đề có thể sẽ diễn ra với chúng ta trong tương lai. Trong nghiên cứu này, chúng ta sẽ tìm hiểu về sự phát triển ngôn ngữ của trẻ khiếm thị (trẻ mù, trẻ nhìn kém) và làm thế nào để có thể tạo điều kiện tốt để những trẻ này phát triển ngôn ngữ.

Trẻ em luôn luôn cố gắng tìm hiểu về mọi sự vật (người, sự vật, hành động, sự kiện) và hiện tượng xảy ra ở môi trường xung quanh ngay từ khi mới sinh và cố gắng thiết lập những mối quan hệ giữa chúng trước khi trẻ học về tên của những thứ này. Trẻ phải hiểu được những mối quan hệ trong cuộc sống trước khi biết về mối quan hệ giữa các từ trong một câu. Khi trẻ hiểu được mối quan hệ này, trẻ sẽ tích cực tìm kiếm mật mã để truyền tải những điều mình biết.

Ngôn ngữ là cái vỏ của tư duy, cũng là công cụ để giao tiếp. Con người giao tiếp vì nhiều mục đích khác nhau. Tuy nhiên, mục đích chính là để tìm hiểu môi trường xung quanh, để tương tác với người khác, duy trì mối quan hệ, nắm bắt, cập nhật thông tin và những mục đích khác hướng tới sự phát triển toàn diện của mỗi cá nhân. Giao tiếp còn có ý nghĩa trao đổi kiến thức, thông tin, bày tỏ nhu cầu, ước muốn, đảm bảo các mối quan hệ tâm lý xã hội. Trẻ học cách sử dụng từ ngữ để duy trì mối liên hệ với người khác, thu thập thông tin và hoàn thành mục tiêu của mình.

Thông thường, ngôn ngữ được phát triển thông qua quá trình trẻ tự học là chính. Trẻ nắm bắt được ngôn ngữ thông qua sự tương tác từ rất sớm đối với người khác trong môi trường xung quanh trẻ.

Chúng phải lắng nghe ngôn ngữ, hiểu được chức năng của ngôn ngữ trước khi nắm bắt được nó. Trẻ phải liên kết được âm thanh lời nói mà chúng nghe được với những hiểu biết của mình về thế giới, đó là kiến thức về con người, sự vật, hành động, sự kiện và những mối quan hệ giữa chúng. Phần lớn những kiến thức này đều đạt được thông qua kênh thị giác.

Để phát triển ngôn ngữ, trẻ phải có nhu cầu giao tiếp, nắm được ý nghĩa của chúng để giao tiếp và biết cách để giao tiếp. Thực chất là phát triển 3 yếu tố của ngôn ngữ bao gồm: *chức năng, nội dung và hình thái*.

Chức năng liên quan đến tính thực dụng của ngôn ngữ - tức là liên quan đến mục đích của việc sử dụng ngôn ngữ. Chúng ta dùng ngôn ngữ để thu hút sự chú ý, nắm bắt và chia sẻ thông tin, miêu tả, phản hồi, yêu cầu, chào hỏi và phản đối...

Nội dung liên quan đến ý nghĩa, khía cạnh ngữ nghĩa của ngôn ngữ. Nó cho phép người nói sử dụng ngôn ngữ để mã hóa những gì họ hiểu biết và cảm nhận được.

Hình thái liên quan đến cấu trúc của ngôn ngữ, đến âm vị, cấu trúc của từ ngữ, đến trật tự của từ ngữ hay còn gọi là cú pháp. Âm vị giải quyết những vấn đề liên quan đến âm thanh thực của từ ngữ.

1. Vai trò của thị giác trong việc phát triển ngôn ngữ

Thị giác là một trong những giác quan quan trọng nhất của con người. Thị giác cung cấp tới 80% lượng thông tin từ môi trường xung quanh, thông tin của thị giác vừa nhanh, chính xác, vừa có tính hệ thống và có thể thiết lập được mối liên hệ giữa các sự vật. Vì vậy, thị giác đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển ngôn ngữ của trẻ từ rất sớm. Giao tiếp của trẻ nhỏ lệ thuộc chủ yếu vào hình ảnh thị giác và giao tiếp phi ngôn ngữ. Thông tin thị giác còn có ý nghĩa quan trọng đối với mối quan hệ mẹ - con từ rất sớm và điều này

vừa kích lệ trẻ trong việc định hình ý nghĩa của ngôn ngữ trẻ nghe được vừa giúp phụ huynh và người chăm sóc nắm được những dấu hiệu về sự phát triển lời nói của trẻ.

Những thông tin do thị giác mang lại tạo ra một sự liên kết quan trọng giúp trẻ hiểu được ý nghĩa của ngôn ngữ mà trẻ đang nghe. Ngoài ra, những đặc điểm như kích thước, hình dạng và sự vận động còn cho phép trẻ phân loại và định nghĩa được sự vật. Thị giác là nguồn thông tin cơ bản nhất của hầu hết trẻ em. Không giác quan nào có thể kích thích sự tò mò, hợp nhất thông tin, thúc đẩy quá trình tìm hiểu đầy đủ như thị giác (Seminar quốc tế lần thứ 14 về trẻ mù tuổi mầm non, 1990). Thị giác có thể tiếp nhận thông tin trong nháy mắt và không bị giới hạn bởi thời gian và không gian (Theo Dunlea, 1989). Đối với trẻ mù hoặc trẻ khiếm thị, những giác quan còn lại như sờ, nghe, ngửi, nếm, vận động phải hoạt động độc lập không có sự hợp nhất thông tin của thị giác. Vì thế, những thông tin do các giác quan này mang lại thường rời rạc, không liên tục, không hoàn chỉnh và bị đứt đoạn (Theo Santin và Simmons, 1977).

Xét từ khía cạnh khác, khi một trẻ bị mù hoặc thị lực bị suy giảm đáng kể thì ngôn ngữ - giao tiếp sẽ có thêm chức năng bù trừ nhằm bổ sung, điều chỉnh những thiếu hụt hoặc những thông tin không chính xác. Vì vậy, phát triển ngôn ngữ giao tiếp cho trẻ khiếm thị tuổi mầm non là một nhiệm vụ hết sức quan trọng; làm cơ sở cho việc hình thành phát triển các quá trình tâm lí và việc học tập, phát triển sau này của trẻ.

2. Các giai đoạn phát triển và đặc điểm ngôn ngữ của trẻ khiếm thị

Đối với trẻ em bình thường, 5 tuổi, trẻ đã có một kho từ vựng khoảng 5000 từ và đã biết sử dụng câu có ý nghĩa. Từ khi sinh ra đến lúc 5 tuổi, trẻ trải qua 5 giai đoạn phát triển ngôn ngữ khác nhau. Ở trẻ khiếm thị cũng tuân theo quy luật trên, tuy nhiên số lượng và chất lượng từ cũng như đặc điểm phát triển ngôn ngữ từng giai đoạn ở mỗi trẻ riêng biệt thì rất khác nhau. Các giai đoạn có thể trễ hơn các bạn cùng trang lứa từ 1 đến 2 năm và chất lượng ngôn ngữ cũng bị ảnh hưởng.

2.1. Thời kì tiền ngôn ngữ (từ khi sinh đến 12 tháng tuổi)

Trước khi trẻ nói được tiếng đầu tiên vào khoảng 12 tháng tuổi (có thể kéo dài từ 10 đến 18 tháng

tùy thuộc từng trẻ), giai đoạn này được gọi là tiền ngôn ngữ. Do vậy, trong suốt thời kì này, chúng ta có thể chơi trò chơi ú - òa hàng ngày với trẻ và qua hoạt động này trẻ sẽ học được quy tắc giao tiếp. Trẻ cũng học được cách thể hiện nhu cầu của mình cho người khác biết và những quy định hành vi khác thông qua điệu bộ và lời nói của người lớn. Mặc dù lúc này, trẻ không biết sử dụng từ để nói nhưng đã biết phát ra các âm thanh lời nói khác nhau. Lúc đầu, những âm thanh này còn mang tính không chủ định nhưng rất nhanh sau đó, tiếng khóc bắt đầu có chủ định, có mục đích. Ở thời gian này, người mẹ và người chăm sóc cần phân biệt được tiếng khóc do đói và do đau đớn. Vào khoảng 2 tháng tuổi, trẻ đã có thể tỏ thái độ hài lòng hoặc vui thích. Đây là bước đệm cho giai đoạn trẻ có thể bập bẹ vào khoảng 4 tháng tuổi. Trẻ sẽ mỉm cười với tiếng nói, quay về phía nguồn âm thanh phát ra, phản xạ khi ai đó gọi tên mình, trẻ hiểu được ý nghĩa của từ "không" và bắt đầu liên hệ từ ngữ với những gì mà trẻ nghe được.

Đối với trẻ khiếm thị nặng, đây là giai đoạn rất khó khăn trong quá trình tác động đến sự phát triển ngôn ngữ của trẻ. Để tìm hiểu môi trường xung quanh, do không quan sát được bằng mắt nên trẻ thường nằm im để lắng nghe và người chăm sóc dễ bị lầm tưởng là trẻ đang ngủ hoặc trẻ cần yên tĩnh và không giao tiếp với trẻ. Hậu quả của quá trình thiếu giao tiếp hai chiều giữa trẻ và những người xung quanh có thể để lại những tật thứ phát nặng nề về các lĩnh vực giao tiếp, hành vi và phát triển nhận thức.

2.2. Thời kì nói một từ (từ 12 đến 18 tháng tuổi)

Ở thời gian vào khoảng từ 10 đến 14 tháng tuổi, trẻ cố gắng để nói những tiếng đầu tiên và bước vào thời kì nói từng từ một trong chặng đường phát triển ngôn ngữ. Những từ đầu tiên này liên quan đến những gì trẻ thích, nó phản ánh những gì trẻ biết về thế giới: con người - ba, mẹ, ông bà; thức ăn, thức uống; các con vật gần gũi với gia đình - chó, mèo; đồ vật - đồ chơi; các hoạt động - chào, tạm biệt và động từ ăn.

Ở thời kì này, chúng ta thấy trẻ quá mở rộng hoặc thu hẹp từ ngữ. Chẳng hạn, trẻ có thể gọi con chó là con gâu gâu và sử dụng từ này cho tất cả những con vật có 4 chân. Khi trẻ thu hẹp từ ngữ cũng làm nghĩa của chúng bị thu hẹp lại. Tuy nhiên, đây là một hình thức phát triển vốn từ của trẻ.

Mặc dù việc mở rộng từ ngữ cũng xảy ra trong sự phát triển ngôn ngữ của trẻ khiếm thị nhưng mức độ ít hơn nhiều so với trẻ sáng mắt (khoảng 8-13% so với 41%). Đối với trẻ khiếm thị, tên gọi thường chỉ giới hạn ở một người, một vật hoặc mỗi quan hệ cụ thể và chúng không phải là đại diện của một nhóm lớn hơn mà sự vật đó là một phần của nhóm. Chẳng hạn, từ “trái bóng” chỉ liên quan đến trái bóng mà trẻ chơi hàng ngày. Trẻ không biết hiểu rộng ra rằng trái bóng là tên gọi của những vật có thể lăn đi lăn lại và có hình tròn. Khi trẻ đã có được vốn từ vựng khoảng 50 từ (vào khoảng 15 tháng tuổi, phạm vi có thể từ 13 đến 19 tháng), trẻ bắt đầu tạo ra được những nhóm từ ngữ gồm hai tiếng và bắt đầu sử dụng từ ngữ đi đôi với ý nghĩa của nó. Đây là dấu hiệu đầu tiên của sự phát triển về cú pháp và bắt đầu cho giai đoạn sử dụng 2 từ trong tiến trình phát triển ngôn ngữ.

2.3. Thời kì nói bằng 2 từ (từ 18 đến 24 tháng tuổi)

Ở thời kì này, trẻ sử dụng từ ngữ giống như người lớn để nắm bắt ngữ nghĩa. Chẳng hạn như “con đá”, hoặc “đá bóng”. Có một cách khác để mô tả việc sử dụng tập hợp 2 từ của trẻ thông qua các mối quan hệ về ngữ nghĩa. Trẻ nói về những hành động, điều gì xảy ra với cái gì, ai làm gì; “con ngã”, hoặc “đụng bàn”. Chúng nhấn mạnh sự sở hữu “gấu (của) con” hoặc “mũ (của) mẹ” hoặc về vị trí như “mẹ (ở) ngoài”.

Ở giai đoạn đầu của sự kết hợp từ ngữ, trẻ thường dùng những từ để chỉ sự lặp lại như “nước nữa”, “củ nữa”; đặt tên hoặc dán nhãn như “con gấu đó”, “bóng này”, và chỉ sự không tồn tại như “đi hết rồi”, “không nữa” (theo de Villers & de Villers, 1979). Khi phân tích những mối quan hệ ngữ nghĩa trong ngôn ngữ diễn đạt của trẻ khiếm thị hoặc trẻ mù, cho thấy rằng trẻ dường như chỉ nói về bản thân mình, về những gì chúng đang tham gia và về những hoạt động, hành động mà chúng trực tiếp trải nghiệm (Theo Dunlea, 1989).

Trong suốt giai đoạn này, trẻ có thể bắt đầu đưa ra những yêu cầu đơn giản, đặt câu hỏi, bắt đầu, duy trì và kết thúc cuộc hội thoại (gồm từ 2 đến 3 mục trao đổi). Ở giai đoạn này, trẻ thường nhắc lại đập khuôn những gì mà chúng nghe được. Với phần lớn trẻ sáng mắt, việc lặp lại này sẽ mất dần khi chúng học được cách sử dụng sáng tạo những từ chúng bắt chước được. Tuy nhiên, trẻ khiếm thị nặng sẽ tiếp tục nhắc lại những gì chúng

nghe được từ môi trường xung quanh cho đến khi các em đã ở độ tuổi 2 hoặc 3 tuổi.

2.4. Thời kì nói từ 3 đến 4 từ (24 đến 36 tháng tuổi)

Ở thời kì này của sự phát triển ngôn ngữ, trẻ tiếp tục phát triển và mở rộng những kĩ năng ngôn ngữ ở thời kì thứ hai. Những mẫu lời nói đã học được ở thời kì thứ hai sẽ được kết hợp với nhau để có được những câu nói dài hơn, hiệu quả hơn. ‘Mẹ ăn’ và ‘ăn bánh’ sẽ được kết hợp thành ‘Mẹ ăn bánh’. Trẻ có thể chỉ đúng tóc, miệng, mắt, tai, tay và chân của mình.

Xu hướng lặp lại và tiếp đón những câu nói của người lớn mà chủ yếu là của người mẹ là đặc điểm của việc sử dụng ngôn ngữ ở thời kì đầu của trẻ khiếm thị cũng như trẻ sáng. Điều này thường dẫn đến việc hiểu sai đại từ. Ví dụ, trẻ có thể nói ‘Con đưa mẹ đi’ thay vì trẻ muốn nói “Mẹ đưa con đi với”. Việc sử dụng sai đại từ xảy ra ở tất cả trẻ em. Tuy nhiên, ở trẻ sáng mắt, việc này không kéo dài giống như ở trường hợp của trẻ khiếm thị.

2.5. Thời kì sử dụng những cấu trúc phức tạp hơn (3 đến 5 tuổi)

Ở thời kì này, trẻ trở nên thành thạo hơn trong việc sử dụng chính xác ngữ nghĩa của từ và tuân theo các quy luật trò chuyện. Trẻ có thể hiểu được tất cả những dạng thức câu nói khác nhau của người lớn. Ở giai đoạn từ 3 – 4 tuổi, trẻ có thể hát được những giai điệu đơn giản có vần điệu liên quan đến những gì mình đã trải qua như ‘Tôi ngã xuống’ và đặt các câu hỏi “cái gì?”, “khi nào”, “tại sao?”. Ở giữa độ tuổi từ 4 – 5, trẻ bắt đầu đặt các câu hỏi “như thế nào?”, “liệu có cái gì?”. Trẻ cũng đã học được nhiều giới từ hơn như “ở dưới”, “bên cạnh” và bắt đầu trả lời những câu hỏi đơn giản sau khi lắng nghe một câu chuyện.

Một số trẻ khiếm thị không bao giờ kết thúc được chuỗi câu hỏi và có thể đặt cùng một câu hỏi liên tiếp trong một thời gian ngắn. Một đứa trẻ có thể đặt câu hỏi vì không có kĩ năng ngôn ngữ cần thiết để tham gia vào cuộc trò chuyện, để thu hút sự chú ý hoặc để tránh phải trả lời các câu hỏi liên tục của người lớn. Trẻ hiểu được những gì đã xảy ra hôm qua, những gì đang diễn ra ngày hôm nay và sẽ xảy ra vào ngày mai. Ở khoảng 5 đến 6 tuổi, trẻ có thể nói được những câu nói dài và có độ phức tạp khác nhau theo quy tắc ngữ pháp.

Cũng trong giai đoạn này, nếu quan sát một cách thông thường, chúng ta sẽ thấy ngôn ngữ của trẻ khiếm thị có mức độ phát triển tương đương với

trẻ sáng mắt, thậm chí có cảm tưởng một số trẻ khiếm thị biết nhiều từ hơn và nói năng “hoạt bát” hơn. Tuy nhiên, nếu phân tích kĩ sẽ dễ dàng nhận thấy, từ ngữ mà trẻ dùng thiếu hình ảnh, màu sắc, lặp đi lặp lại, đôi khi không gắn với ngữ cảnh giao tiếp và rất tối nghĩa.

3. Một số biện pháp nhằm phát triển ngôn ngữ trẻ khiếm thị tuổi mầm non

Để phát triển ngôn ngữ của trẻ khiếm thị đòi hỏi sự nỗ lực của nhiều người trong đó vai trò của bố mẹ, các thành viên trong gia đình, giáo viên, chuyên gia và những người khác thường xuyên tiếp xúc với trẻ là đặc biệt quan trọng và cần có sự hợp tác chặt chẽ của các thành phần trên nhằm khuyến khích tích cực tham gia vào các hoạt động giao tiếp.

3.1. Tạo môi trường giao tiếp cho trẻ

Do bị mù hoặc thị lực giảm đáng kể nên biểu tượng không gian của trẻ khiếm thị cũng bị thu hẹp đáng kể, nó chỉ tồn tại trong tầm tay với hoặc tầm nhìn còn lại của trẻ. Vì vậy, người chăm sóc trẻ luôn phải tạo ra một môi trường có âm thanh và tìm cách để cho trẻ biết rằng vẫn có hiện hữu của người chăm sóc cũng như của thế giới đồ vật ngoài tầm nhìn của trẻ.

Người chăm sóc phải luôn luôn cố gắng sử dụng giao tiếp bằng lời nói để kích thích và thu hút sự chú ý của trẻ, khuyến khích trẻ tạo ra các âm thanh đáp lại kích thích nhằm phát triển giao tiếp hai chiều giữa trẻ và người chăm sóc.

Trong quá trình chăm sóc trẻ, cần quan sát những hoạt động và phản ứng của trẻ đối với đồ vật và con người trong môi trường gần gũi của trẻ. Nắm được những đồ chơi nào trẻ thích, trẻ muốn làm gì khi có một người lạ bước vào phòng? Hãy nói với trẻ về những thứ làm trẻ thích thú. Bằng cách như vậy, trẻ có thể học được cách để kiểm soát một vài thứ xảy ra xung quanh mình.

3.2. Khuyến khích trẻ tham gia và tự trải nghiệm

Phải khuyến khích để trẻ giao tiếp từ rất sớm. Thông qua sự bắt chước và mở rộng ngôn ngữ, bạn hãy khuyến khích trẻ nói. Nếu trẻ nói “Mèo con” để phản ứng lại tiếng kêu meo meo của con mèo trong nhà, chúng ta có thể đáp lại trẻ rằng “Ừ, mèo con đang ở trong phòng con ạ.”

Dành thời gian để trẻ tự khám phá và lắng nghe. Tạo cho trẻ nhiều cơ hội để khám phá thế giới theo cách của chính mình. Cho trẻ được chơi trong một

môi trường giàu tính kích thích với những đồ vật trong tầm tay của trẻ hoặc trẻ có thể với tới dễ dàng và được tự do chơi với những gì trẻ muốn. Chỉ cho trẻ cách khác nhau để chơi và thao tác với đồ chơi.

Người chăm sóc mô tả thế giới xung quanh, những nơi mà trẻ không với tới hoặc nhìn thấy được. Tất cả những trải nghiệm hàng ngày đều là cơ hội để trẻ học ngôn ngữ. Hãy nói về những gì trẻ đang nhìn thấy và những thứ trẻ đang làm. Nói về môi trường xung quanh và khuyến khích trẻ ngửi, nếm và lắng nghe xung quanh. Học ngôn ngữ cũng có nghĩa là phải biết thêm về tên của người, sự vật và hoạt động. Kể cho trẻ những điều người khác đang làm cũng dễ dàng làm cho trẻ hình thành sự hứng thú về môi trường.

3.3. Rèn luyện và phát triển lời nói cho trẻ

Trẻ nhỏ bắt đầu giao tiếp từ rất sớm trước khi có thể nói được tiếng đầu tiên. Người chăm sóc cần hiểu được ý nghĩa của những kí hiệu âm thanh và cử chỉ điệu bộ của trẻ. Khi trẻ có những kí hiệu âm thanh hoặc cử chỉ điệu bộ liên quan đó thì cần chuyển thành lời nói có ý nghĩa cho trẻ. Ví dụ, trẻ có cử chỉ khát nước thì cần phải nói “ồ, con khát nước phải không” và khi đưa nước cho trẻ uống thì cũng phải nói “nước của con đây, um, ụm ... nào...”

Người chăm sóc nên mô tả đồ vật hoặc sự kiện mà trẻ đang quan sát hoặc khám phá. Ngôn ngữ của bạn có thể giúp trẻ hiểu rõ hơn về thế giới xung quanh. Chẳng hạn, nếu trẻ nói “Chuối” bằng ngữ điệu giống như đề nghị, yêu cầu, hãy phản ứng lại bằng cách nói với trẻ là “Chuối của con đây. Nó rất ngon, phải không?”

Trẻ khiếm thị không thể nhìn thấy nét mặt và cũng không thể đọc được cảm xúc của người khác qua vẻ nghiêm trang, nụ cười và những cách diễn đạt khác. Do vậy, hãy mô tả cảm giác của bạn bằng lời, bằng từ ngữ và dùng ngữ điệu giọng nói để trẻ biết bạn đang cười hoặc đang biểu lộ những cảm giác khác mặc dù trẻ không nhìn thấy. Giải thích cho trẻ về cảm xúc của người khác và dạy trẻ biểu lộ cảm xúc của mình thích hợp. Khi nhìn thấy trẻ cười, bạn có thể nói “Con đang cười, hẳn là con đang vui lắm.” hoặc khi trẻ bực tức, biểu lộ sự giận dữ, bạn có thể đặt tên cảm xúc đó của trẻ bằng cách nói “Trông con có vẻ giận dữ lắm”.

Quan sát thật kĩ những hành động của trẻ và những sự kiện diễn ra xung quanh trẻ sẽ giúp bạn có những phản ứng phù hợp với trẻ. Nếu trẻ đang



chơi với trái bóng và đẩy trái bóng ra khỏi tầm với rồi hỏi “Bóng?” bằng một giọng điệu thỉnh cầu, bạn có thể phản ứng bằng cách lấy lại quả bóng, đưa cho trẻ và nói “Bóng của con đây, nó đã lăn mất phải không?”.

3.4. Mở rộng vốn từ và sửa lỗi trong sử dụng ngôn ngữ của trẻ

Ngoài việc nói về những thứ mà trẻ đã biết, điều quan trọng là phải giới thiệu cho trẻ những đồ vật mới, những hoạt động mới dựa trên cơ sở thông thường và nói về chúng. Chẳng hạn, trước khi trẻ đến thăm một công viên hãy nói cho trẻ biết trẻ sẽ đi đâu. Nói với trẻ những thứ bạn đã nhìn thấy ở công viên, những động vật sống ở đó và những âm thanh do chúng phát ra, những cây hoa và màu sắc, hình dáng của nó. Hãy nói về mùi, vị và đặc điểm của những thứ ở công viên. Sử dụng những con giống, đồ chơi và những bài hát có liên quan, tạo mối liên hệ giữa chúng. Ví dụ, cho trẻ sờ con gà, bạn hãy hướng dẫn trẻ cách sờ từ đầu đến chân, khi sờ đến bộ phận nào bạn hay mô tả bằng lời về bộ phận ấy (hình dáng, kích thước, màu sắc...); sau khi trẻ sờ xong hãy hướng dẫn trẻ tự sờ lại và mô tả những gì trẻ cảm nhận được, bạn sửa và điều chỉnh ngay cho trẻ những sai sót và không quên động viên khuyến khích trẻ.

Trong thời gian này, trẻ thường phát âm sai và sử dụng từ không đúng ngữ cảnh, với trẻ khiếm thị thì mức độ còn lớn hơn nhiều. Đây cũng là một phần tất yếu của quá trình phát triển ngôn ngữ. Vì vậy, khi trẻ nói sai một từ hoặc phát âm sai, hãy đưa ra một câu ở dạng thức đúng tiếp nối với câu mà trẻ đã nói hoặc giới thiệu lại với trẻ ngữ cảnh giao tiếp hiện tại và nói cho trẻ biết trong ngữ cảnh này thì phải sử dụng ngữ điệu ra sao và sử dụng những từ ngữ nào cho phù hợp. Chẳng hạn, nếu trẻ nói: “Con cơm”, phản ứng của bạn có thể là “Con muốn ăn cơm hả? Mẹ lấy cho con nhé”. Hoặc nếu trẻ nói: “Hôm qua, mẹ con mình sẽ đi công viên”, phản ứng của bạn là “À, ngày mai mẹ con mình sẽ đi công viên nhé”. Qua cách chữa lỗi gián tiếp như vậy, trẻ sẽ nhận ra rằng bạn hiểu những gì trẻ muốn diễn đạt và đang giúp trẻ diễn đạt đúng điều cần nói.

3.5. Xây dựng chủ đề giao tiếp và đặt các câu hỏi mở

Đặc điểm ngôn ngữ của trẻ trong giai đoạn này là “ngôn ngữ tự kỉ trung tâm” (theo Vygotsky), vì vậy, trẻ có thể tự tạo cho mình môi trường giao tiếp và từ đóng vai các nhân vật trong môi trường

đó để đối thoại. Vì trẻ khiếm thị thiếu thông tin, cho nên các chủ đề giao tiếp trẻ tự xây dựng thường rất nghèo nàn và lặp lại. Để khắc phục những khó khăn này của trẻ, phụ huynh và giáo viên phải chú ý lắng nghe các cuộc “trò chuyện” của trẻ, gợi ý cho trẻ những “vai”, những “nhân vật” mà trẻ sẽ thể hiện, những nội dung, hoạt động mà “nhân vật” đó có thể tham gia và phải thể hiện qua ngôn ngữ nói. Người lớn cũng phải chú ý lắng nghe và sửa những lỗi mà trẻ mắc phải. Ví dụ, nếu trẻ đóng vai người bán hàng thì phải sử dụng những từ gì, ngữ điệu ra sao, là người mua hàng thì mặc cả như thế nào...

Trong quá trình trẻ chơi, chúng ta cũng cần quan sát và lắng nghe tiến trình cuộc “thoại” của trẻ và đặt xen vào các câu hỏi gợi mở cần thiết: Bác bán những món hàng nào thế? Bác hãy kể cho tôi nghe xem hàng của bác như thế nào?; Ngoài ra, chúng ta nên đặt cho trẻ những câu hỏi có kết thúc mở như: “Cái gì sẽ xảy ra nếu...?”, “Hãy kể cho mẹ về...”, hoặc “Câu chuyện đó xảy ra thế nào?”. Những câu hỏi có kết thúc mở cho phép câu trả lời có thể sai hoặc đúng, điều quan trọng là trẻ cần suy nghĩ để giải quyết vấn đề và trẻ cần phải tưởng tượng.

Những điều cần chú ý trong quá trình vận dụng các biện pháp phát triển ngôn ngữ của trẻ khiếm thị

- Gọi tên hoặc chạm nhẹ vào người trẻ để có được sự chú ý của trẻ.
- Chỉ dùng những từ ngữ gắn liền với những gì đang diễn ra trước mắt trẻ hoặc những hoạt động mà trẻ đang tham gia;
- Sử dụng ngôn ngữ và ngữ điệu phù hợp với từng giai đoạn phát triển ngôn ngữ của trẻ, không sử dụng ngôn ngữ của người lớn với trẻ.
- Hướng dẫn sử dụng những hành vi giao tiếp phù hợp: hướng mặt về phía người giao tiếp, thể hiện tư thế thoải mái trong giao tiếp; điều chỉnh âm lượng phù hợp không gian giao tiếp...
- Tư vấn chuyên gia trị liệu ngôn ngữ, chuyên gia giáo dục đặc biệt kịp thời khi vận dụng các phương pháp hỗ trợ phát triển ngôn ngữ không hiệu quả.

4. Kết luận

Trẻ khiếm thị là những trẻ em bị mất hoàn toàn thị lực hoặc bị suy giảm đáng kể. Tật khiếm thị ảnh

(Xem tiếp trang 46)